

Bản án số: 67/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28/11/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Đức Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Minh Tăng

Bà Cao Thị Thu Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: tổ B, thôn X, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Duy T1, sinh năm 1987; thôn Y, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Tân T2 tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng cùng nhau làm ăn, sinh sống tại thành phố Đà Nẵng. Đến năm 2018, chị T về quê ở tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam để sinh con đầu tiên, lâu lâu hay ra vào với chồng, chị không còn sống thường xuyên liên tục ở thành phố Đà Nẵng. Đến đầu năm 2020, chị T có bầu đứa con thứ 2, khi đó, anh T1 không còn gần gũi, không quan tâm đến chị

nữa. Khi đó, chị T tự sinh con và lo cho con đến bây giờ. Hai vợ chồng ly thân hơn 02 năm nay. Lý do mà chị T yêu cầu ly hôn là do anh T1 không có trách nhiệm với con, không chu cấp, không quan tâm đến vợ con, chị cảm thấy đã hết tình cảm với anh T1. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị T yêu cầu ly hôn với anh T1.

- *Về con chung*: Chị T và anh T1 có 02 con chung tên Đặng Nguyễn Anh T3, sinh ngày 15/4/2018 và Đặng Nguyễn Minh K, sinh ngày 22/9/2020, hiện nay, các con đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi con 1.700.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Duy T4 trình bày tại bản tự khai:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh T4 và chị T là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T. Thời gian đầu, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm. Tuy nhiên, sau đó, chị T có thai, sinh con và có những cách nhìn nhận quan điểm khác nhau trong cuộc sống cũng như chăm sóc chị T dẫn đến hai vợ chồng xảy ra nhiều lần tranh cãi, gây gổ, bất đồng quan điểm. Vì vậy, hai vợ chồng đã ly thân 02 năm. Đến nay, anh T4 không còn tình cảm nên quyết định ly hôn là phương án cuối cùng và anh T4 đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Anh T4 và chị T có 02 con chung tên Đặng Nguyễn Anh T3, sinh ngày 15/4/2018 và Đặng Nguyễn Minh K, sinh ngày 22/9/2020. Khi ly hôn, đồng ý cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, anh T4 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Anh Đặng Duy T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn và được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi ly hôn với anh Đặng Duy T1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh Đặng Duy T1 có nơi cư trú tại thôn Y, xã

T, huyện M, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Duy T1 có yêu cầu đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Duy T1.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Duy T1 kết hôn vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị K1 và anh T5 là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy vợ chồng chị T và anh T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, có nhiều hai vợ chồng cũng đã sống ly thân hơn 02 năm nay tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu ly hôn, anh T1 cũng đồng ý theo yêu cầu ly hôn của chị T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T1 là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Đối với quan hệ con chung: Chị T và anh T1 xác định vợ chồng có 02 con chung là Đặng Nguyễn Anh T3, sinh ngày 15/4/2018 và Đặng Nguyễn Minh K, sinh ngày 22/9/2020. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, hiện nay các con đang sống với chị T. Khi ly hôn, anh T1 và chị T thống nhất để chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, việc giao con chung cho người chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Cháu Đặng Nguyễn Anh T3 và cháu Đặng Nguyễn Minh K đều đang dưới 36 tháng tuổi và trong quá trình cháu T3, cháu K sống cùng chị T thì các cháu vẫn sinh sống, phát triển bình thường. Đồng thời, các cháu sống với chị T từ nhỏ cho đến nay nên tình cảm của cháu đã gắn liền với người nuôi dưỡng. Để ổn định cuộc sống cho các cháu, giúp các cháu phát triển tốt nhất về vật chất và tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận của chị T và anh T1 về việc chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Anh T3 và cháu Minh K khi ly hôn phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn nên anh T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.700.000 đồng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Trong bản tự khai, anh T1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, việc yêu cầu cấp dưỡng của chị T là hoàn toàn phù hợp, tuy nhiên, mức cấp dưỡng mà chị T yêu cầu thấp hơn mức cấp dưỡng quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/85/2024 của Hội

đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử căn cứ vào mức lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú để áp dụng mức cấp dưỡng cho phù hợp theo quy định. Vì vậy, mức cấp dưỡng đối với con chung tại địa bàn huyện M phải đảm bảo không thấp hơn 1.725.000 đồng/tháng. Để đảm bảo các khoản chi phí chăm sóc hai con, nuôi dưỡng các con nên buộc anh T1 cấp dưỡng cho hai con mỗi tháng 1.750.000 đồng/tháng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp.

[2.4] Đối với quan hệ tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 51, 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đặng Duy T1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 67/2015, quyền số 01/2014-2015 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 04/12/2015 không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung:

Chị Nguyễn Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Đặng Nguyễn Anh T3, sinh ngày 15/4/2018 và Đặng Nguyễn Minh K, sinh ngày 22/9/2020, hiện nay con chung đang sống với chị Nguyễn Thị T.

Buộc anh Đặng Duy T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là: Đặng Nguyễn Anh T3, sinh ngày 15/4/2018 và Đặng Nguyễn Minh K, sinh ngày 22/9/2020 với mức cấp dưỡng 1.750.000 đồng/tháng (*một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng/tháng*) cho mỗi con chung. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom đến cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con thì cha, mẹ trực tiếp nuôi con, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai số 0000628 ngày 17/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Anh Đặng Duy T1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Dương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Minh Hóa;
- Dương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Đức Cảnh